BÀI GIẢNG: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI LIÊN BANG NGA

CHUYÊN ĐỀ: TRẦN NGỌC PHONG

MÔN: ĐỊA LÍ 11 - CÁNH DIỀU

GIÁO VIÊN: LIÊN BANG NGA

MỤC TIÊU

- ✓ *Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.*
- ✓ *Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.*

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

- Rộng nhất thế giới (17 triệu km^2) Từ 41°11’B đến 77°43’B (từ Biển Đen, biển Ca-xpi đến Bắc Băng Dương). Từ 27°Đ đến 169°40’T (từ biển Ban Tích đến Thái Bình Dương).
- Gồm: phần lớn đồng bằng Đông Âu; Bắc Á; tỉnh Ca-li-nin-grát.
- Tiếp giáp 14 quốc gia.
- Đường biên giới xấp xỉ chiều dài Xích đạo.
- Vùng biển rộng lớn thuộc Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương; biển: Ban-tích, Biển Đen, Ca-xpi.
- Trải dài trên 11 múi giờ (sử dụng 9 múi giờ).
- Giáp nhiều quốc gia, biển => giao lưu, phát triển KT-XH.
- Lãnh thổ rộng lớn => thiên nhiên đa dạng, tài nguyên phong phú.

=> vấn đề chủ quyền biên giới; vấn đề phát triển giữa các vùng, các khu vực.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1 Địa hình, đất

Phía Tây	Phía Đông
- Đb. Đông Âu: rộng, nhiều vùng đất cao, đồi thoải xen với các thung lũng rộng hoặc vùng đất thấp, đất đai màu mỡ => hình thành các vùng trồng cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc. - Đb. Tây Xi-bia: gồm 2 phần: + Phía bắc: chủ yếu đầm lầy, là nơi ngập lụt lớn. + Phía nam: cao hơn, có đất đen thảo nguyên thích hợp cho trồng trọt.	- Gồm cao nguyên Trung Xi-bia; các dãy núi, sơn nguyên (Cô-lưu-ma, Véc-khôi-an, Xai-an, sn Tru-cốt-xki, sn Xta-nô-vôi…). - Địa hình hiểm trở, khó khăn cho giao thông nhưng có tiềm năng phát triển lâm nghiệp, khai khoáng.

- Dãy núi U-ran + Là ranh giới tự nhiên giữa châu Âu và châu Á. + Là dãy núi già, cao 500 – 1200m. + Ở giữa thấp, thuận lợi cho giao thông.	
Tài nguyên đất: đa dạng + đất nâu, đất đen, đất xám => trồng cây lương thực, cây thực phẩm + đất đài nguyên, đất pốt-dôn nghèo dinh dưỡng => khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.	

2 Khí hậu

- Phần lớn có khí hậu ôn đới
- Phía tây ôn hoà, phía đông khí hậu lục địa khắc nghiệt hơn
- Phía bắc: khí hậu cận cực và cực
- Phía tây nam gần Biển Đen: cận nhiệt

=> Phát triển đa dạng hoạt động kinh tế, sản phẩm nông nghiệp đa dạng.

=> Nhiều nơi khô hạn, lạnh giá gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt.

3 Sông, hồ

- Nhiều sông lớn (Von-ga, Ô-bi, I-ê-nít-xây, Lê-na) và hàng nghìn sông khác.
- Sông Von-ga dài nhất châu Âu (một trong những biểu tượng của nước Nga).
- Các sông vùng Xi-bia chảy hướng bắc - nam, đổ ra Bắc Băng Dương, cửa sông bị đóng băng vào mùa đông.

=> Sông ngòi có giá trị về nhiều mặt: thuỷ điện, giao thông vận tải, tưới tiêu, thuỷ sản và du lịch.

- Các hồ lớn: Ca-xpi, Bai-can
- Bai-can là hồ nước ngọt sâu nhất và có dung tích lớn nhất thế giới, chứa 85% nguồn nước ngọt của đất nước.

4 Biển

- Bờ biển dài trên 37 000 km, vùng biển thuộc nhiều đại dương và biển.
- Nhiều địa điểm thuận lợi xây dựng cảng, sinh vật phong phú, nhiều dầu mỏ, khí tự nhiên, tài nguyên du lịch => tiềm năng để phát triển kinh tế.
- Vùng biển phía bắc bị đóng băng.

5 Sinh vật

- Đứng đầu thế giới về diện tích rừng (20% diện tích rừng của thế giới, năm 2020).
- Chủ yếu là rừng lá kim (60% S của cả nước)
- Rừng tập trung nhiều ở vùng Xi-bia, các vùng ở phía bắc thuộc châu Âu => phát triển công nghiệp khai thác, chế biến gỗ. => tài nguyên du lịch, ảnh hưởng đến đời sống.

6 Khoáng sản

- Khoáng sản giàu có, đặc biệt là dầu khí, than đá, kim loại đen… => cơ sở phát triển công nghiệp
- Nhiều khoáng sản phân bố ở vùng có tự nhiên khắc nghiệt, khó khai thác.

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1 Dân cư

- Số dân:
  - Đông dân thứ 9 thế giới
  - Biến động, đang tăng chậm, do:
    - ✓ Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp, âm trong nhiều năm
    - ✓ Di cư ra nước ngoài
- Cơ cấu dân số già: Tỉ lệ người già, tuổi thọ tăng (73 tuổi).
- Dân số tăng chậm, cơ cấu dân số già => Gây áp lực cho nền kinh tế (khó khăn về nguồn lao động, tăng chi phí phúc lợi xã hội…).
- MĐDS thấp (9 người/km2), không đều:
  - Cao nhất: đồng bằng Đông Âu
  - Rất thưa thớt: phía bắc, phía đông

=> trở ngại cho sử dụng lao động, khai thác lãnh thổ.

- Tỉ lệ dân thành thị (74,8%, năm 2020); chủ yếu là đô thị nhỏ, trung bình.


Mát-xcơ-va


Xanh Pê-téc-bua

- Có nhiều dân tộc (> 100 dân tộc)
- Dân tộc Nga là chủ yếu (80,9%) => tạo nên sự đa dạng văn hoá, truyền thống dân tộc, kinh nghiệm sản xuất, đây là nguồn lực phát triển KT-XH.

2 Xã hội

- Nền văn hoá đa dạng, độc đáo (thể hiện ở kiến trúc, hàng thủ công mĩ nghệ, lễ hội, múa ba-lê, âm nhạc truyền thống…). => Góp phần phát triển kinh tế (đặc biệt là du lịch).
- Trình độ học vấn khá cao, tỉ lệ biết chữ > 99,4% (năm 2020).
- Đứng hàng đầu thế giới về nghiên cứu khoa học cơ bản.
- Giáo dục, đào tạo được chú trọng với nhiều trường đại học danh tiếng.

=> Cơ sở quan trọng phát triển KT-XH - HDI rất cao (0,830, năm 2020).